TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ- ST
Ngày 30/07/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Văn Động**
2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 07 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và anh T có quen biết và có tìm hiểu nhau mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc với nhau dẫn đến anh T sử dụng bạo lực với tôi, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc. Tôi có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, hiện nay tôi và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/7/2009, cháu hiện đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận.

- Về phần nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: tôi yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày**: Qua lời trình bày của vợ tôi về năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì tôi và vợ tôi có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị T.

Về quan hệ con chung: Tôi không đồng ý giao cháu Nguyễn Thành P cho cô Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, tôi yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009, tôi không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì chị T và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì chị T, anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là vợ chồng là có cơ sở.

[2] **Về quan hệ con chung:** Chị T xin nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Nguyễn Thành P hiện nay 15 tuổi và nguyện vọng của cháu P là sau khi chị T và anh T ly hôn thì cháu P sẽ sống với chị T và từ lúc chị T và anh T sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay thì cháu P luôn được chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ và hiện nay được biết chị T đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Thành P cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[3] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Văn T về quan hệ con chung: Anh T không đồng ý giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009 cho chị T nuôi dưỡng, anh T xin được nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Nguyễn Thành P hiện nay 15 tuổi và nguyện vọng của cháu P là sau khi chị T và anh T ly hôn thì cháu P sẽ sống với chị T và từ lúc chị T và anh T sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay thì cháu P luôn được chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Thành P cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của anh Nguyễn Văn T.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: do chị T và anh T tự thoả thuận về tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]**Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003778 ngày 05/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 05/07/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003778 ngày 05/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật